

Bản án số: **10/2020/HS-ST**
Ngày 20-3-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự - Nguyên cán bộ huyện đoàn huyện K, tỉnh Ninh Bình và ông Ngô Gia Khánh - Nguyên cán bộ đoàn xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2020/ TLST- HS ngày 21 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Đức C; sinh ngày 04 tháng 11 năm 2003 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 2, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc C1 và bà Nguyễn Thị N1; vợ con: chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 13/11/2019 đến ngày 14/11/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Đức C: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1982; trú tại: Phố 2, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình – Là mẹ đẻ của bị cáo; có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức C: Ông Vũ Ngọc Hùng - Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Bị hại:

+ Cháu Nguyễn Việt Phương N – sinh ngày 09 tháng 7 năm 2006; trú tại: Xóm 4. Xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của bị hại cháu Nguyễn Việt Phương N: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1960 trú tại: Xóm 4, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình – là bà nội của cháu N; có mặt.

+ Cháu Nguyễn Minh H – sinh ngày 28 tháng 8 năm 2005; trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt

+ Người đại diện hợp pháp của bị hại cháu Nguyễn Minh H: Chị Phạm Thị N2 – sinh năm 1982; trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình – Là mẹ đẻ của cháu H; có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cháu Nguyễn Minh H và cháu Nguyễn Việt Phương N: Bà Ngô Thị Lý - Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Đặng Thị H1 – sinh năm 1978; trú tại: Xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn M – sinh năm 1983; trú tại: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn D – sinh năm 1989; trú tại: Xóm 5B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị N2 – sinh năm 1982; trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Cháu Vũ Mạnh H2 - sinh ngày 01 tháng 01 năm 2006; trú tại: Xóm 13, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Cháu Phạm Đăng K – sinh ngày 18 tháng 5 năm 2005; trú tại: Xóm 13, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 08/11/2019, Phạm Đức C đi bộ từ nhà đến xã Y, huyện K với ý định tìm sơ hở của người dân để chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài và chơi game. Khi C đi qua nhà chị Phạm Thị N2 trú tại xóm 2, xã Y thấy trong nhà có 03 cháu nhỏ đang chơi điện tử bằng điện thoại di động gồm Nguyễn Minh H sinh ngày 28/8/2005 (con chị N2); Vũ Mạnh H2 sinh ngày 01/01/2006 trú tại xóm 13 và cháu Nguyễn Việt Phương N sinh ngày 09/7/2006 trú tại xóm 4, xã Y nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của các cháu. C đi vào trong sân rồi đi vòng ra sau nhà thấy khu vực giếng nước có để 01 số con dao nên đến lấy 01 con dao bài dài khoảng 30cm, bản rộng 07cm cầm ở tay trái rồi đi về phía trước để vào nhà, khi vào nhà C giơ dao lên quát to “Chúng mày có biết Kiên Cỏ không” với mục đích dọa cho các cháu hoảng sợ, nghe C quát thì 03 cháu trả lời “Em không biết” tiếp đó C quát “Nhà có nước không, đi rót cho tao cốc nước” thì H2 đứng dậy đi lấy nước rồi đưa cho H để đưa cho C, uống nước xong C thả chiếc cốc xuống nền nhà làm chiếc cốc bị vỡ rồi nói “Đưa hết điện thoại đây”, do sợ hãi nên cháu H đưa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi – Redmi Note 7 màu đen; cháu N đưa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng cho C, trước khi lấy điện thoại C yêu cầu 02 cháu mở mặt khóa thì N tắt mặt khóa của máy điện thoại còn H do sợ nên ấn vào nút tắt nguồn, C cầm lấy 02 điện thoại bỏ vào túi quần, sau đó lấy thuốc ra châm và đưa cho N hút, N hút thuốc nhả khói do bị sặc thì C tiến đến dùng tay phải tát vào má N 02 cái nói “còn non lắm” rồi quay sang H2 nói “Mày có điện thoại không”, H2 trả lời “em không có” thì C tiến đến đá vào ngực H2 một cái sau đó đi ra cửa, quay lại nói “cắm

đưa nào được nói” rồi đi ra bên ngoài chốt cửa lại để cho các cháu không ra được bên ngoài. Ở ngoài sân C thấy 01 xe đạp mini màu đỏ - trắng của cháu N đang dựng ngoài sân nên bỏ dao vào giỏ xe rồi lấy luôn xe đạp đi về. Trên đường đi, C vút con dao ở mé đường (không xác định được vị trí) sau đó mang xe đến gửi nhà chị Đặng Thị H1 sinh năm 1978 trú tại xóm 7, xã T rồi đi bộ về nhà. Sau khi bị cướp điện thoại cháu H đã kể lại sự việc cho mẹ nghe, ngày 10/11/2019 chị N đã có đơn trình báo lên Công an xã Y.

Còn C, sau khi cướp được điện thoại đã mang về nhà sử dụng, đến ngày 12/11/2019, C cầm chiếc điện thoại di động Xiaomi – Redmi Note 7 đến cửa hàng điện thoại di động của anh Nguyễn Văn M sinh năm 1983 trú tại xóm 8, xã L để phá mật khẩu, do chưa sửa được điện thoại nên anh M cho C mượn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8110 để dùng, còn chiếc điện thoại Iphone 6 C mang đến cửa hàng của anh Nguyễn Văn D sinh năm 1989 trú tại xóm 5B, xã L bán được 600.000đ, số tiền này C đã tiêu xài cá nhân hết. Buổi chiều ngày 13/11/2019, biết được thông tin Công an huyện K đang rà soát các đối tượng nghi vấn liên quan đến vụ cướp tài sản mà mình gây ra và không thể lẩn trốn được nên C đã cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị N1 sinh năm 1982 đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện K tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng, chứng cứ thu giữ: C giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8110, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 áo phông không cổ màu trắng, 01 đôi giày thể thao màu vàng và 02 vòng tròn kim loại (khuyên tai); anh Nguyễn Văn M giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi – Redmi Note 7 màu đen và 01 ốp nhựa màu đen; anh Nguyễn Văn D giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng; chị Đặng Thị H1 giao nộp 01 xe đạp mini màu đỏ - trắng.

Bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 60/HĐ-ĐG ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng giá trị còn lại là 920.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi – Redmi Note 7 màu đen giá trị còn lại là 1.893.600đ; 01 ốp nhựa điện thoại Xiaomi – Redmi Note 7 giá trị còn lại là 21.500đ; 01 xe đạp mini màu đỏ giá trị còn lại là 210.000đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản Phạm Đức C chiếm đoạt là 3.045.100đ.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Đức C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 20/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Phạm Đức C về tội cướp tài sản theo điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội cướp tài sản
- Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đức C từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 5 (năm) năm tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 13/11/2019.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức C có quan điểm: Hành vi phạm tội cướp tài sản của bị cáo Phạm Đức C như lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn chính xác, phù hợp với lời khai của bị hại phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên bị cáo C phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (khi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 4 ngày bản thân bị cáo chưa phát triển đầy đủ và hoàn thiện về mặt thể chất, tinh thần. Sau khi phạm tội mặc dù chưa bị phát hiện nhưng do tâm lý hoảng sợ và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã cùng với người thân trong gia đình chủ động đến cơ quan Công an để tự thú ra hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra và tại phiên phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Tại phiên tòa người đại diện cho bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo Phạm Đức C mức án thấp nhất. Để bị cáo yên tâm cải tạo và sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại có quan điểm: Về tội danh và mức hình phạt nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, vấn đề dân sự những tài sản bị cáo cướp của cháu N và cháu H đã được thu hồi và trả lại cho các cháu nên các bị hại không đề nghị gì về vấn đề bồi thường dân sự. Đối với mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị về phía bị hại cũng không có ý kiến gì. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Áp dụng cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo để sớm trở về gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận bị cáo có hành vi dùng vũ lực đe dọa hai em N và H để cướp tài sản của hai em như nội dung bản cáo trạng truy tố,

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phạm Đức C tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay như nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khai nhận: Do bản thân bị cáo nghiện game không có công ăn việc làm ổn định buổi sáng ngày 08 tháng 11 năm 2019 bị cáo lang thang đến khu vực xã Y với mục đích tìm nơi sơ hở và chiếm đoạt tài sản. Nên khoảng 13 giờ ngày 08/11/2019, tại nhà cháu Nguyễn Minh H ở xóm 2, xã Y, huyện K, Phạm Đức C đã có hành vi dùng lời nói đe dọa, dùng dao bài là phương tiện nguy hiểm để chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi – Redmi Note 7 màu đen kèm theo ốp nhựa của cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 28/8/2005; chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng và 01 xe

đạp mini màu đỏ của cháu Nguyễn Việt Phương N sinh ngày 09/7/2006. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.045.100đ

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm hại đến khách thể được bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã Y nói riêng và huyện K nói chung, đối tượng bị cáo nhằm đến để gây án là các em học sinh còn nhỏ dưới 16 tuổi. Như vậy hành vi của bị cáo gây nên tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân sinh sống tại địa phương và ảnh hưởng xấu đến môi trường học đường. Bị cáo là người chưa thành niên còn đang tuổi học sinh đã không chịu khó học tập làm người có ích cho xã hội mà đã bỏ học, nghiện game và sớm đi vào con đường ăn chơi lêu lổng. Không có tiền tiêu sai phục vụ cho nhu cầu mục đích cá nhân của bị cáo nên đã vi phạm pháp luật hình sự. Do vậy cần xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội mặc dù chưa bị cơ quan điều tra phát hiện, bắt giữ nhưng nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã cùng với người thân chủ động đến cơ quan có thẩm quyền đề tự thú ra hành vi vi phạm pháp luật của mình. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay đại diện cho bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C. Nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, bị cáo C phạm tội khi chưa thành niên, Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo mới được 16 tuổi 4 ngày do vậy mà bản thân bị cáo C chưa phát triển hoàn thiện, đầy đủ về mặt thể chất cũng như tâm lý, do nhất thời phạm tội và không hiểu hết được tính nguy hiểm về hành vi phạm tội của mình, hành vi của bị cáo cướp tài sản chỉ nhằm kiếm tiền phục vụ nhu cầu ham chơi game của bản thân. Hội đồng căn cứ Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự khi xét xử bị cáo Phạm Đức C. Áp dụng cho bị cáo C một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để tạo điều kiện cho bị cáo được học tập, cải tạo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bản thân bị cáo tuổi đời còn quá trẻ và bị cáo Phạm Đức C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo để xử

phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thể hiện sự khoan hồng, tính nhân đạo của pháp luật và vẫn đảm bảo được tính dẫn đe, giáo dục đấu tranh phòng ngừa chung.

Đối với hành vi của Phạm Đức C dùng tay tát cháu Nguyễn Việt Phương N và dùng chân đạp vào ngực cháu Vũ Mạnh H2. Do hai cháu không bị thương tích gì và cũng không có đề nghị gì về vấn đề này nên không đưa ra xem xét giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn D là người đã mua chiếc điện thoại Iphone 6 do bị cáo cướp được của cháu Nguyễn Việt Phương N. Quá trình điều tra xác định anh D không biết chiếc điện thoại trên là do C phạm tội mà có do vậy không đủ căn cứ để xử lý về tội: “ Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điều 323 bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc và nhắc nhở rút kinh nghiệm đối với anh Nguyễn Văn D.

Đối với chị Đặng Thị H1 đã cho bị cáo để nhờ chiếc xe đạp màu mini loại nữ đỏ do bị cáo cướp được của cháu N và anh Nguyễn Văn M là người nhận sửa chữa cho bị cáo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi – Redmi Note 7 màu đen kèm theo ốp nhựa bị cáo cướp của cháu Nguyễn Minh H. Chị H1 và anh M không hề quen biết với bị cáo và cũng không biết đó là những tài sản do bị cáo C phạm tội mà có. Do vậy không đủ căn cứ để xử lý về tội: “ Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điều 323 bộ luật hình sự. Nên cơ quan điều tra không xử lý mà chỉ nhắc nhở đối với chị H1 và anh M cần thận trọng và đề cao cảnh giác hơn trong cuộc sống.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã trả lại cho anh Nguyễn Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8110; trả lại cho cháu Nguyễn Minh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi – Redmi Note 7 màu đen và 01 ốp nhựa điện thoại Xiaomi – Redmi Note 7; trả lại cho cháu Nguyễn Việt Phương N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng và 01 xe đạp mini màu đỏ. Các bên đã nhận và không có ý kiến gì về yêu cầu bồi thường.

Bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ bị cáo đã hoàn trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền 600.000đ mà anh mua điện thoại của C, anh D đã nhận lại tiền và không có ý kiến, yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Đối với con dao bài mà Phạm Đức C lấy ở nhà bà Phạm Thị N2, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã truy tìm nhưng không thấy, bà N không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự. Do vậy về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng còn lại của vụ án gồm: 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 áo phông không cổ màu trắng, 01 đôi giày thể thao màu vàng và vòng tròn kim loại (khuyên tai) của Phạm Đức C. Đây là những tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có nhu cầu xin lại các tài sản trên vì thực tế những tài sản đó đã cũ không còn giá trị sử dụng. Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình hùnh điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội: “Cướp tài sản”

Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 91, Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đức C 4 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 13 tháng 11 năm 2019

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 áo phông không cổ màu trắng, 01 đôi giày thể thao màu vàng và 02 vòng tròn kim loại (khuyên tai) của bị cáo Phạm Đức C

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm Đức C phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/03/2020). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện K.
- Công an huyện K
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K.
- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo,
- Người bào chữa cho bị cáo.
- Bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thị Khanh